

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/6/2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và bà Nguyễn Thị Sương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Y Hồng Vân – Kiểm sát viên Viện
kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 07/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 17-02-2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh T1, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Phan Thanh T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2020 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Việc kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T1 nhiều lần đánh đập chị, chị đã làm đơn xin ly hôn hai lần nhưng chưa giải quyết, sau khi rút đơn về thì anh T1 vẫn chứng nào tật đấy, đánh chị. Chị đã thuê nhà ở riêng nhưng anh T1 vẫn tìm đến đánh chị. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn gần một năm nay, không liên quan đến kinh tế, việc ai người ấy làm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn yêu thương anh T1 nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh T1 để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T khai, vợ, chồng chị sinh được 02 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo T2, sinh ngày 03/10/2015 và cháu Phan Trường T3 sinh ngày 03/7/2020, khi khởi kiện chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị tự nguyện thay đổi yêu cầu nuôi con và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T2, chị đồng ý giao cháu T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ nần chị không yêu cầu giải quyết; Về án phí DSST chị nhận chịu. Vì công việc bận nên chị có đơn xin xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bị đơn anh Phan Thanh T1 trình bày: Anh thừa nhận anh và chị T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tự nguyện, về thời gian, địa điểm kết hôn như chị T trình bày ở trên. Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, cãi nhau, thời gian anh đi làm xa thì chị T dọn đồ đạc cá nhân đi thuê nhà ở riêng, việc ai người ấy làm, chị Ty xin ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung anh thừa nhận vợ chồng sinh được 02 con chung như chị T trình bày ở trên và anh đồng ý giao con chung là cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh nhận nuôi cháu T3, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ nần anh không yêu cầu giải quyết; Về án phí anh yêu cầu chị T phải chịu.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc phải đi làm ăn xa không thể tham gia phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện tương đối đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Riêng bị đơn nhận được thông báo phiên hòa giải 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do; các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Chị T được ly hôn với anh T1. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của con trên 07 tuổi và con dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị giao con chung là cháu T2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu T3 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết là đúng quy định của pháp luật; các đương sự đều đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự như đại diện VKS đề nghị là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Thanh T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T và anh T1 đều thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T1 đánh chị T; vợ, chồng không còn chung sống với nhau gần một năm nay, việc ai người ấy làm, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Thanh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ và đúng pháp luật. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phan Thanh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T đều khai vợ, chồng sinh được 02 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo T2, sinh ngày 03/10/2015 và cháu Phan Trường T3 sinh ngày 03/7/2020; Hai bên cùng có ý kiến nêu nguyện vọng nuôi con sau khi ly hôn là giao cháu Phan Ngọc Bảo T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Phan Trường T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù cháu T2 có nguyện vọng ở với anh T1, cháu T3 chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng căn cứ khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với con; con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. HĐXX xét thấy, cháu T2 là con gái, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ, người mẹ sẽ chăm sóc, giáo dục con gái tốt hơn về quá trình phát triển tâm sinh lý của cháu; còn cháu T3 đã gần đủ 36 tháng tuổi và anh T1 có đủ điều kiện về thu nhập, về điều kiện việc chăm sóc đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chung. Việc nuôi con sau khi ly hôn là nguyện vọng của các bên đương sự nên cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, ích của con chưa thành niên. Ý kiến của đại diện VKS tại phiên tòa không chấp nhận nguyện vọng nuôi con sau khi ly hôn của các bên đương sự là không phù hợp với quy định của khoản 2, 3 Điều 81 Luật HN&GD.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đề ngày 07/02/2023 về: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Phan Thanh T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Ngọc Bảo T2, sinh ngày 03/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu cháu Phan Trường T3, sinh ngày 03/7/2020 cho anh Phan Thanh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001185 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh KonTum. Chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung